

Vietnam Daily Review

Dấu hiệu xu hướng giảm?

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 13/6/2022	•		
Tuần 13/6-17/6/2022	•		
Tháng 6/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau một ngày biến động trong biên độ 10 điểm, VN-Index bị bán mạnh về cuối phiên, kết phiên giảm gần 24 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 18/19 ngành giảm điểm, ngành duy nhất còn giữ được sắc xanh là Viễn thông. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên tới, có thể VN-Index có thể sẽ tiếp tục dao động trong khoảng 1250-1300.

Hợp đồng tương lai: Các HDTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư mở vị thế short trong phiên giao dịch.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 10/06/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-23.72** điểm, đóng cửa **1284.08** điểm. HNX-Index **-6.29** điểm, đóng cửa **306.44** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **TCB (+0.50)**, **NVL (+0.25)**, **SAB(+0.12)**, **GEX (+0.11)**, **KBC (+0.10)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-4.06)**, **GVR (-1.32)**, **FPT (-1.19)**, **BID (-0.89)**, **CTG (-0.73)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 15.526 tỷ đồng, tăng **30.73%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 16.957 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 25.51 điểm. Thị trường có **85** mã tăng, 37 mã tham chiếu và **375** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **86.19 tỷ** đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (64.29 tỷ)**, **HDB (40.65 tỷ)**, **DGC (36.81 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **3.08 tỷ** đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1284.08**
Giá trị: 15525.66 tỷ **-23.72 (-1.81%)**
Khối ngoại (ròng): 86.19 tỷ

HNX-INDEX **306.44**
Giá trị: 2088.03 tỷ **-6.3 (-2.01%)**
Khối ngoại (ròng): 3.08 tỷ

UPCOM-INDEX **93.72**
Giá trị: 1.66 tỷ **-1.17 (-1.23%)**
Khối ngoại (ròng): -6.41 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	121.6	0.08%
Giá vàng	1,845	-0.13%
Tỷ giá USD/VND	23,178	-0.05%
Tỷ giá EUR/VND	24,602	-0.77%
Tỷ giá JPY/VND	17,339	-0.17%
LS liên NH 1 tháng	2.1%	8.84%
LS TPCP 5 năm	2.7%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	64.3	E1VFN30	-34.9
HDB	40.6	CTG	-32.8
DGC	36.8	GAS	-23.2
GMD	32.6	VNM	-22.4
MSN	28.4	PVD	-22.2
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 10/06

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	121.51	-0.49%	3.97%	23.42%	73.36%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	122.88	-0.57%	4.48%	21.38%	69.44%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	4.28	1.29%	2.04%	24.49%	93.30%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1847.55	-0.31%	-1.10%	0.51%	-2.67%	PNJ	
Bạc	USD/ounce	21.66	-1.69%	-2.78%	1.98%	-22.54%	PNJ	
Đậu tương	UScent/bushel	1769.00	1.67%	2.30%	11.10%	14.57%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	1071.25	-0.33%	1.23%	-1.97%	56.67%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.42	0.49%	0.41%	-0.97%	41.98%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	259.50	0.54%	2.00%	5.19%	5.10%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	667.50	0.91%	2.14%	11.39%	71.93%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	16.64	-1.68%	-2.00%	-1.63%	28.65%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	234.65	1.21%	-1.51%	12.98%	47.86%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	4.37	-1.37%	-4.06%	5.33%	-2.68%	HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	4600.00	0.00%	3.02%	-9.77%	-6.08%		
Nhôm	USD/ton	2762.00	-2.02%	-0.74%	0.31%	11.07%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	147.00	0.34%	6.14%	14.84%	-31.31%		HPG
Than đá	USD/ton	395.00	-0.10%	-4.24%	4.64%	213.49%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ giảm 0.15% xuống 121.33 USD/thùng sáng ngày 10/6. Giá dầu thô Brent giao tháng 8 cũng giảm 0.56% xuống 122.89 USD/thùng.
- Giá dầu giảm trong phiên giao dịch ngày 9/6 nhưng neo gần đỉnh 3 tháng sau khi nhiều khu vực của Thượng Hải áp dụng các biện pháp chống COVID mới, trong bối cảnh các sản phẩm tinh chế tăng mạnh hỗ trợ cho triển vọng lạc quan của dầu thô.

Giá vàng

- Trong phiên giao dịch sáng ngày 10/6, giá vàng giao ngay giảm 0.08% xuống 1,846.9 USD/ounce, theo kitco. Giá vàng giao tháng 8 cũng giảm 0.19% xuống 1,849.25 USD.
- Giá vàng đã giảm trong phiên giao dịch ngày 9/6, vì sự gia tăng của lợi suất trái phiếu Mỹ và đồng USD làm suy yếu sức hấp dẫn của kim loại quý trước khi báo cáo lạm phát Mỹ được công bố - yếu tố có thể củng cố kế hoạch thắt chặt chính sách tiền tệ mạnh mẽ của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed).

Giá cao su

- Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su kỳ hạn giao tháng 6/2022 ghi nhận mức 261 yen/kg, tăng 0.58% (tương đương 1.5 yen/kg).
- Trên Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 6/2022 được duy trì tại mức 13,120 nhân dân tệ/tấn, không thay đổi so với giao dịch trước đó.

Giá nông sản

- Giá cà phê trực tuyến robusta tại London giao tháng 7/2022 được ghi nhận tại mức 2,093 USD/tấn sau khi giảm 0.57% (tương đương 12 USD).
- Giá cà phê arabica giao tháng 7/2022 tại New York đạt mức 234.65 US cent/pound, tăng 1.21% (tương đương 2.8 US cent).

	10/6	% 10/6	9/6	% 9/6	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1284.08	-1.81%	1307.80	-0.01%	-0.30%	-1.34%
S&P 500			4017.82	-2.38%	-3.81%	0.67%
HĐTL S&P500	4022.50	0.16%	4016.25	-2.38%	-2.06%	0.64%
Shang- hai	3284.83	1.42%	3238.95	-0.76%	2.80%	8.20%
Euro Stoxx	3665.61	-1.58%	3724.45	-1.70%	-3.12%	0.49%

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

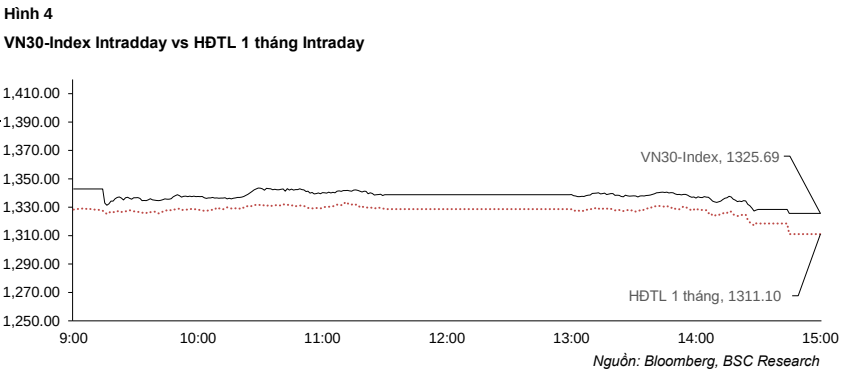
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/8/2022	GVR	27.05	33.5	24	26.1	2	-3.51%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	72.3	3	-5.86%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	26.5	4	5.58%	Có thể tiếp tục mua
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	57	10	4.59%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/27/2022	MWG	146.7	162	136.7	150	14	2.25%	Có thể tiếp tục mua
5/26/2022	DBC	25.3	30.2	22.5	24.6	15	-2.77%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/25/2022	FRT	82.7	104.6	76.3	99	16	19.71%	Có thể tiếp tục mua
5/18/2022	VCI	35	48	32.5	39	23	11.43%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:							(**) Tiệm cận giá mục tiêu	

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
5/4/2022	POW	14.05	16.6	13	SL	5	-7.47%
5/3/2022	PC1	39.4	45	36.55	SL	6	-7.23%
4/28/2022	FPT	105.5	118.9	100	SL	10	-5.21%
4/27/2022	HPG	42.5	47	39.5	SL	12	-7.06%
4/26/2022	REE	73.9	86	69	TP	13	16.37%
4/16/2022	DRC	37.5	42	35	SL	4	-6.67%
4/15/2022	MIG	29.65	33.9	27.65	SL	5	-6.75%
4/14/2022	BWE	57.7	66	53.7	SL	11	-6.93%
4/13/2022	LHG	57.7	67.8	53.7	SL	7	-6.93%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	5	3	8.71%	-4.05%	3.93%	11
Cổ phiếu đã chốt	246	213	7.19%	-7.41%	4.37%	23

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2206	1311.10	-1.81%	-14.59	-12.0%	232,693	6/16/2022	6
VN30F2207	1310.00	-1.95%	-15.69	76.9%	1,399	7/21/2022	41
VN30F2209	1310.90	-1.72%	-14.79	-1.0%	99	9/15/2022	97
VN30F2212	1312.50	-1.52%	-13.19	-40.0%	69	12/15/2022	188

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm 17.23 điểm xuống 1325.69 điểm. Các cổ phiếu như FPT, VPB, PNJ, MWG và ACB đã tác động đến nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư mở vị thế short trong phiên giao dịch.
- Các HDTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, hầu hết các HĐ đều giảm so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở cũng có sự cân bằng tương tự khi các HĐ VN30F2209 và VN30F2212 tăng, VN30F2205 và VN30F2206 giảm so với phiên trước đó. VN30 trong phiên hôm nay điều chỉnh mạnh cùng với vị thế các chỉ báo PTKT đang ở mức yếu.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHDB2205	10/20/2022	132	5:1	94,900	38.34%	1,000	870	4.82%	413	2.11	31,611	27,111	25,900
CNVL2202	8/15/2022	66	16:1	35,500	24.44%	1,000	430	2.38%	138	3.11	116,959	79,999	77,000
CMWG2203	9/26/2022	108	7:1	60,600	30.86%	1,990	2,100	0.00%	1,723	1.22	160,530	148,000	150,000
CVPB2204	11/15/2022	158	16:1	16,800	35.95%	1,000	790	-1.25%	200	3.95	45,448	30,888	30,900
CMWG2201	9/20/2022	102	10:1	86,500	30.86%	2,600	3,000	-1.32%	2,024	1.48	213,500	134,500	150,000
CMWG2204	10/7/2022	119	10:1	233,700	30.86%	3,000	1,900	-3.55%	1,434	1.32	166,200	45,000	150,000
CVIC2206	9/19/2022	101	10:1	14,200	24.91%	1,900	800	-3.61%	267	2.99	117,300	82,500	78,000
CVIC2202	8/15/2022	66	16:1	47,500	24.91%	1,100	490	-3.92%	119	4.13	97,902	82,222	78,000
CVPB2203	7/15/2022	35	16:1	26,100	35.95%	1,000	520	-5.45%	168	3.10	53,688	28,888	30,900
CMWG2202	8/1/2022	52	6:1	574,100	30.86%	4,000	2,770	-7.36%	1,705	1.62	150,520	145,000	150,000
CVNM2204	10/7/2022	119	10:1	633,400	22.40%	1,500	620	-7.46%	256	2.42	84,100	73,000	69,500
CVIC2204	8/22/2022	73	16:1	53,300	24.91%	1,000	480	-7.69%	109	4.40	105,093	83,333	78,000
CFPT2202	6/24/2022	14	10:1	112,900	31.16%	1,700	2,300	-8.00%	2,048	1.12	115,300	89,700	110,000
CFPT2201	9/20/2022	102	8:1	103,500	31.16%	2,100	2,070	-9.21%	1,253	1.65	107,680	106,000	110,000
CPNJ2201	9/20/2022	102	8:1	63,700	39.18%	2,300	4,000	-11.50%	3,459	1.16	99,260	95,500	120,700
CVRE2207	10/20/2022	132	8:1	171,200	38.34%	1,000	460	-13.21%	240	1.92	43,333	33,333	30,500
CFPT2108	7/6/2022	26	6:1	132,200	31.16%	3,280	1,900	-15.18%	949	2.00	109,835	106,835	110,000
CVRE2205	8/22/2022	73	5:1	413,500	38.34%	1,000	520	-17.46%	300	1.74	41,622	32,222	30,500
CPOW2203	9/5/2022	87	2:1	723,000	51.24%	1,600	1,250	-19.35%	626	2.00	17,640	15,700	15,000
CPOW2201	7/15/2022	35	5:1	1,020,500	51.24%	1,000	200	-31.03%	82	2.44	21,866	16,666	15,000
Tổng				4,522,200	32.08%**								
Chú thích:													
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi							
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn							
**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes							

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 10/06/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2102 và CHDB2204 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 334.78% và 12.50%. Giá trị giao dịch giảm 18.48%, CFPT2203 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 21.91% thị trường.
- CPNJ2201, CHDB2205, CMWG2201 và CMSN2202 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPOW2203, CNVL2201, CNVL2202 và CMWG2203 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2203, CPNJ2201 và CFPT2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	150.0	-1.8%	0.7	4,773	12.9	7,030	21.3	4.9	49.0%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	120.7	-6.1%	0.7	1,272	6.0	5,443	22.2	3.7	48.9%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	53.8	-2.2%	1.4	1,736	5.3	2,529	21.3	1.8	26.3%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	50.8	-2.9%	0.6	517	0.1	3,644	13.9	1.5	58.4%	11.1%
VIC	Bất động sản	78.0	-0.1%	0.5	12,934	3.3	(578)	N/A	2.8	12.4%	-2.4%
VRE	Bất động sản	30.5	-1.3%	1.1	3,013	2.6	401	76.1	2.2	31.0%	3.0%
VHM	Bất động sản	68.3	0.0%	0.8	12,931	7.3	8,786	7.8	2.3	23.4%	34.5%
DXG	Bất động sản	23.9	-3.6%	1.5	630	13.8	1,503	15.9	1.6	30.2%	11.3%
SSI	Chứng khoán	27.9	-4.0%	1.6	1,202	19.4	3,023	9.2	1.8	34.4%	22.6%
VCI	Chứng khoán	39.0	-6.0%	1.0	568	8.3	4,884	8.0	1.8	18.9%	26.9%
HCM	Chứng khoán	22.5	-4.3%	1.6	447	2.9	2,619	8.6	1.4	42.6%	17.9%
FPT	Công nghệ	110.0	-4.6%	1.0	4,372	14.6	5,152	21.4	5.2	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	70.0	-1.3%	0.4	999	0.0	4,926	14.2	3.8	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	118.7	-7.0%	1.0	9,878	13.3	5,109	23.2	4.2	2.8%	19.2%
PLX	Dầu khí	45.0	-4.1%	1.5	2,486	3.3	1,950	23.1	2.2	17.2%	9.9%
PVS	Dầu khí	29.7	-7.8%	1.6	617	26.6	1,408	21.1	1.2	9.4%	5.5%
BSR	Dầu khí	30.3	-5.9%	0.8	4,085	44.0	2,108	14.4	2.5	41.1%	19.1%
DHG	Dược	92.9	0.1%	0.3	528	0.0	6,105	15.2	3.4	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	62.3	-6.9%	1.2	1,060	16.8	12,920	4.8	2.0	16.0%	50.2%
DCM	Hóa chất	39.5	-7.0%	1.2	908	13.3	5,643	7.0	2.3	10.5%	38.9%
VCB	Ngân hàng	77.7	-0.1%	0.8	15,988	1.3	4,855	16.0	3.1	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	33.8	-2.0%	1.2	7,434	1.2	2,266	14.9	2.0	16.8%	13.8%
CTG	Ngân hàng	27.1	-2.2%	1.5	5,662	3.7	2,558	10.6	1.3	26.2%	13.0%
VPB	Ngân hàng	30.9	-1.9%	1.2	5,972	13.2	3,874	8.0	1.6	17.4%	24.0%
MBB	Ngân hàng	27.5	-1.1%	1.3	4,518	5.7	3,623	7.6	1.6	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	25.2	-2.1%	1.1	3,700	2.5	3,081	8.2	1.8	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	58.5	-2.0%	0.7	208	0.0	3,150	18.6	2.0	85.7%	10.7%
NTP	Nhựa	43.4	0.7%	0.5	222	0.1	3,990	10.9	1.8	17.7%	16.9%
MSR	Tài nguyên	21.1	-2.3%	1.5	1,008	0.2	178	118.5	1.6	10.1%	1.4%
HPG	Thép	33.6	-0.6%	1.1	6,534	22.4	7,443	4.5	1.5	20.9%	40.4%
HSG	Thép	21.7	-2.9%	1.5	465	7.8	7,157	3.0	0.9	7.3%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	69.5	-1.0%	0.6	6,315	4.5	4,390	15.8	4.5	54.4%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	157.7	0.4%	0.8	4,397	0.5	5,969	26.4	4.7	62.6%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	117.0	-1.3%	1.0	7,206	3.2	7,041	16.6	6.0	28.8%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	17.4	-4.1%	1.6	475	1.9	1,144	15.2	1.3	8.4%	8.3%
ACV	Vận tải	84.1	-0.8%	0.8	7,960	0.2	363	231.8	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	127.7	-0.1%	1.1	3,007	3.8	361	353.3	4.0	16.9%	1.2%
HVN	Vận tải	18.0	-2.7%	1.7	1,733	0.8	(5,210)	N/A	N/A	6.0%	#VALUE!
GMD	Vận tải	55.0	-6.8%	1.0	721	12.3	2,256	24.4	2.5	44.3%	10.8%
PVT	Vận tải	21.9	-6.8%	1.4	307	6.2	2,088	10.5	1.3	11.6%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	85.0	-2.2%	0.8	591	0.3	10,540	8.1	2.6	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	47.1	-1.2%	0.8	917	3.6	3,677	12.8	2.7	4.4%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	18.0	1.7%	1.1	299	1.8	783	23.0	1.3	1.9%	5.6%
CTD	Xây dựng	57.0	-0.3%	1.3	183	2.3	(27)	N/A	N/A	45.9%	0.0%
CII	Xây dựng	20.0	-4.3%	1.3	219	3.6	1,266	15.8	0.9	10.3%	6.1%
REE	Điện	90.1	-6.9%	-1.4	1,392	9.6	5,994	15.0	2.3	48.9%	16.7%
PC1	Điện	40.4	-6.2%	-0.4	413	4.3	3,238	12.5	2.0	5.0%	16.9%
POW	Điện	15.0	-5.7%	0.6	1,527	18.1	859	17.5	1.2	2.2%	6.9%
NT2	Điện	26.5	-4.7%	0.7	332	4.2	1,933	13.7	1.7	14.1%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	45.5	1.6%	1.5	1,139	10.6	1,154	39.4	1.8	18.6%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	71.0	-1%	0.9	3,195	1.0	1,190	59.7	4.4	2.6%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCB	37.95	1.47	0.49	8.19MLN
NVL	77.00	0.65	0.25	2.16MLN
SAB	157.70	0.45	0.12	76800
GEX	24.00	2.13	0.11	21.40MLN
KBC	45.50	1.56	0.10	5.30MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	-0.01	-4.36	2.46MLN	1.11MLN
GVR	0.00	-1.38	2.51MLN	607060
FPT	0.00	-1.24	2.97MLN	373600
BID	0.00	-0.91	786000	192700
CTG	0.00	-0.74	3.10MLN	611640

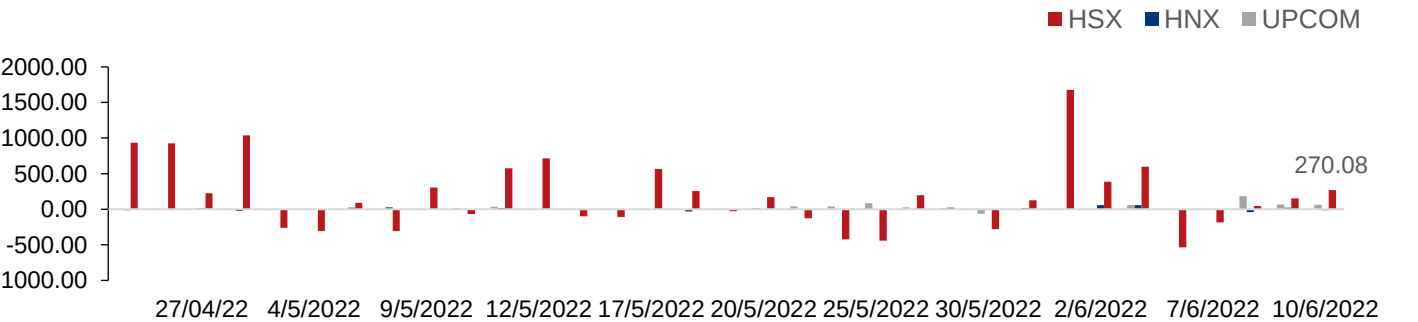
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SVD	7.26	6.92	0.00	119600.00
PXS	5.57	6.91	0.01	779700
KHP	12.90	6.61	0.01	416800
CMV	14.80	5.71	0.00	15800
GTA	15.80	5.33	0.00	3300

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PET	41.85	-7.00	-0.07	1.24MLN
VHC	102.30	-7.00	-0.36	3.33MLN
ANV	54.60	-6.98	-0.13	2.78MLN
ACL	26.65	-6.98	-0.03	605300
GAS	118.70	-6.97	-4.36	2.46MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	85.2	4,228	20.2	5.6	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	120.7	5,443	22.2	3.7	Click
3	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	14.3	1,701	8.4	0.6	Click
4	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	26.5	1,933	13.7	1.7	Click
5	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	83.8	10,029	8.4	1.6	Click
6	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	99.0	4,874	20.3	6.4	Click
7	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	40.4	3,238	12.5	2.0	Click
8	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	15.1	-129	#N/A N/A	0.8	Click
9	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	110.0	5,152	21.4	5.2	Click
10	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	30.6	2,466	12.4	2.0	Click
11	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	23.6	9,632	2.5	1.0	Click
12	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	15.0	859	17.5	1.2	Click
13	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	120.7	5,443	22.2	3.7	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	150.0	7,030	21.3	4.9	Click
15	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	21.9	2,088	10.5	1.3	Click
16	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	127.0	8,710	14.6	6.5	Click
17	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	33.6	7,443	4.5	1.5	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	45.5	1,154	39.4	1.8	Click
19	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	28.2	5,084	5.5	1.8	Click
20	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	23.9	1,503	15.9	1.6	Click
21	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	134.0	8,596	15.6	6.0	Click
22	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	54.6	2,136	25.6	2.7	Click
23	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	30.6	2,701	11.3	2.1	Click
24	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	102.3	8,331	12.3	2.9	Click
25	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	32.1	1,941	16.5	1.5	Click
26	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	50.8	3,644	13.9	1.5	Click
27	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	29.7	1,408	21.1	1.2	Click
28	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	118.7	5,109	23.2	4.2	Click
29	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	22.9	3,141	7.3	1.5	Click
30	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	57.0	-27	#N/A N/A	0.5	Click
31	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	14.3	1,701	8.4	0.6	Click
32	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	11.9	1,350	8.8	0.5	Click
33	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	11.9	1,350	8.8	0.5	Click
34	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	13.7	2,433	5.6	1.1	Click
35	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	120.7	5,443	22.2	3.7	Click
36	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	120.7	5,443	22.2	3.7	Click
37	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	150.0	7,030	21.3	4.9	Click
38	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	56.6	2,762	20.5	4.0	Click
39	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	42.9	1,900	22.6	1.9	Click
40	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	30.3	2,108	14.4	2.5	Click
41	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	18.6	1,034	18.0	1.1	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	102.3	8,331	12.3	2.9	Click
43	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	39.5	2,916	13.5	2.1	Click
44	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	13.9	689	20.1	1.0	Click
45	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	24.6	2,054	12.0	1.2	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	51.1	3661.8	14.0	2.1	Click
47	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	26.5	1,933	13.7	1.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
4	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
5	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
7	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
8	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
9	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
10	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
11	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
12	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
13	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
15	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
16	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
17	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
19	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
22	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
25	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THỂ GIỚI	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
27	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
28	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
29	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
30	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
31	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
32	Banking Sector Outlook		x	Click
33	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
34	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
35	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
36	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
37	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
38	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
39	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
40	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
41	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
42	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
43	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
44	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639